

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
1	Phạm Minh Thùy	1978	Nghệ thuật	TT-NN	KH Giáo dục	Tiến sĩ	9/18-7/23	ĐHSP Nam Kinh,TQ-HBTQ
2	Nguyễn Thanh Mai	1989	Địa lý	KTT	Địa lý học	Tiến sĩ	7/18-6/22	ĐHSPTN
3	Nguyễn Văn Quyết	1986	Lịch sử	TT-NN	Nguyên lý GD	Tiến sĩ	9/18-7/23	ĐH Tây Nam- TQ
4	Ma Đức Tuấn	1984	TDTT	TT-NN	HL Thể thao	Tiến sĩ	9/18-7/22	HV Thể dục Thượng Hải,TQ
5	Nguyễn Duy Nam	1988	TDTT	TT-NN	HL Thể thao	Tiến sĩ	9/18-7/22	HV Thể dục Thượng Hải,TQ
6	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Ngoại Ngữ	KTT	Ngôn ngữ Anh	Tiến sĩ	9/18-8/21	ĐH Hà Nội
7	Nguyễn Diệu Thương	1986	Ngữ văn	TT	Ngôn ngữ VN	Tiến sĩ	11/18-11/21	ĐHSPTN
8	Nguyễn Thị Trang	1991	Lịch sử	TT-NN	NCXH & VHH	Tiến sĩ	02/19-01/23	ĐH Chao Tung, Đài Loan.
9	Lê Như Hoa	1988	TLGD	TT	Tâm lý học	Tiến sĩ	01/19-12/21	ĐHSPHN
10	Khúc Hùng Việt	1985	Vật lý	TT-NN	Vật lý	Tiến sĩ	02/19-01/23	ĐH Giao thông, Đài Loan;
11	Âu Sơn Hưng	1986	Lịch sử	TT-NN	Công nghệ GD học	Tiến sĩ	9/19-7/23	ĐHSP Hoa Nam, TQ
12	Lê Thị Bình	1979	Tiểu học	TT	LL&PPDH Vật lý	Tiến sĩ	11/19-11/22	ĐHSPTN
13	Lê Thị Thanh Huệ	1985	Mầm non	TT	LL&LS giáo dục	Tiến sĩ	11/19-11/22	ĐHSPTN
14	Nguyễn Thị Hân	1984	Hóa học	TT-NN	Vật lý	Thạc sĩ	9/18-02/21	ĐHQG Thành Công Đài Loan
15	Nguyễn Thị Thúy	1989	THPTTN	TN	LL&PPDH GDTC	Thạc sĩ	10/18-9/20	ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
16	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Ngoại ngữ	TN	Ngôn ngữ Anh	Thạc sĩ	10/18-9/20	Khoa NN-ĐHTN
17	Nguyễn Hải Hưng	1987	HCTC	TN	Hành chính công	Thạc sĩ	12/18-12/20	HVCTQGHCM
18	Đinh Thị Thùy Dương	1985	Ngoại ngữ	TN	Hành chính công	Thạc sĩ	12/18-12/20	HVCTQGHCM
19	Lê Thị Minh Nguyệt	1990	Đào tạo	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	6/19-6/21	ĐHSPTN
20	Phạm Minh Đức	1989	KTX	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	10/19-9/21	ĐHSPTN
21	Lê Thị Nga	1979	HCTC	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	10/19-9/21	ĐHSPTN
22	Trần Thị Thu Hà	1984	KHTC	TN	Kế toán	Thạc sĩ	6/19-5/21	ĐHKT&QTKDTN
23	Trần Mạnh Hùng	1988	KTX	TN	Quản lý kinh tế	Thạc sĩ	6/19-5/21	ĐHKT&QTKDTN
24	Phạm Thị Thủy	1972	THPTTN	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	11/10/18-9/20	Trường Chính trị tỉnh TN
25	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị		Học viện Chính trị Quốc gia HCM
26	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị		Học viện Chính trị Quốc gia HCM
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	TLGD	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị		Học viện Chính trị Quốc gia HCM
28	Đinh Đức Hợi	1977	Mầm non	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị		Học viện Chính trị Quốc gia HCM
29	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-8/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
30	Phạm Thị Huyền	1979	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-8/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
31	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	Hoàn chỉnh CCLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-8/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
32	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị		Học viện Chính trị Quốc gia HCM
33	Nguyễn Phương Liên	1975	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
34	Phạm T Minh Nguyệt	1978	TTTT-TV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
35	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
36	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
37	Ngô Giang Nam	1978	HCTC	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	5/19-5/21	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
38	Từ Quang Tân	1979	Đào tạc	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	5/19-5/21	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
39	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
40	Đoàn Dũng Trí	1873	KHTC	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
41	Sỹ Danh Thường	1981	Khảo thí	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
42	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
43	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
44	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
45	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
46	Nguyễn Văn Hoàng	1976	KHCN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
47	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
48	Phạm Đức Hậu	1976	TTTT-TV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
49	Nguyễn Quyết Chiến	1967	KTX	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
50	Nguyễn Anh Tuấn	1864	KTX	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
51	Dương Thu Hằng	1978	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
52	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
53	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
54	Nguyễn Thị Quế Loan	1971	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
55	Dương Quỳnh Phương	1874	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
56	Vũ Văn Anh	1982	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
57	Đỗ Văn Hảo	1968	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
58	Trần Huệ Minh	1977	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
59	Trần Nguyên An	1981	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
60	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
61	Trần Ngọc Hà	1984	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
62	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
63	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
64	Đỗ Trà Hương	1969	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
65	Nguyễn Thị Tổ Loan	1981	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
66	Dương Thị Tú Anh	1970	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
67	Dương Ngọc Toàn	1983	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
68	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
69	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
70	Lê Thị Phương Hoa	1977	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
71	Đỗ Ngọc Cương	1980	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
72	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
73	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
74	Võ Xuân Thủy	1985	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
75	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
76	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
77	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Mầm non	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
78	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
79	Mai Văn Cẩn	1968	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
80	Dương Công Đạt	1979	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
81	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nghệ thuật	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
82	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
83	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
84	Nguyễn Thị Hòa	1990	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
85	Mai Xuân Trường	1973	BGH	TT	BD kiến thức QP&AN đối tượng 2		07-26/4/19	Trường QS Quân khu I
86	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	BD kiến thức QP&AN đối tượng 2		05-24/5/19	Trường QS Quân khu I
87	Bùi Đức Nguyên	1977	BGH	TT	BD kiến thức QP&AN đối tượng 3		03/5-21/5/2021	Trường QS Quân khu I
88	Mai Xuân Trường	1973	BGH	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
89	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
90	Nguyễn Quang Linh	1982	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
91	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		24-25/1/19	ĐHCN queensland (Austria)-VN
92	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	Khóa học ngắn hạn viết đề xuất cho TTr		03-09/3/19	DAAD DIES- Hà Nội
93	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		04-05/3/19	ĐHCN queensland (Austria)-VN
94	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội
95	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội
96	Trần Thị Thảo	1981	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
97	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Nghiệp vụ tổ chức thi THPT QG		21/3/19	Bộ GD&ĐT
98	Trần Minh Thắng	1985	Đào tạo	TT	TH Nghiệp vụ tổ chức thi THPT QG		21/3/19	Bộ GD&ĐT
99	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	TH Luật tố cáo năm 2018		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
100	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2019		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
101	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2020		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
102	Mã Thị Hương Lan	1976	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2021		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
103	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH Cán bộ QL, GV về QLGD học sinh khiếm thính cấp trung học		06-09/5/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
104	Đàm Thị Kim Thu	1989	TLGD	TT	TH Cán bộ QL, GV về QLGD học sinh khiếm thính cấp trung học		06-09/5/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
105	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH nghiệp vụ thanh tra, KT thi THPTQG		22/4/19	Bộ GD&ĐT-Bình Định
106	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
107	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
108	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
109	Nguyễn Tú Quyên	1980	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
110	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
111	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
112	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
113	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
114	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
115	Nguyễn Thị Thương Huyền	1966	Nghệ thuật	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
116	Dương Thị Lê	1968	Nghệ thuật	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
117	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
118	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
119	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
120	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
121	Nguyễn Tú Quyên	1980	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
122	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
123	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
124	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
125	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
126	Đào Ngọc Anh	1978	TĐTT	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
127	Nguyễn Thương Huyền	1966	Nghệ thuật	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
128	Dương Thị Lê	1968	Nghệ thuật	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
129	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
130	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	Khóa đào tạo QL dự án trung cấp		23-26/4/19	Ngân hàng thế giới- Đà Nẵng
131	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
132	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
133	Đồng Thị Thanh	1987	KHCN	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
134	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	Khóa đào tạo GV nguồn về đổi mới, SHTT		24-26/4/19	Cục sở hữu trí tuệ
135	Trần Thị Minh Huế	1977	Mầm non	TT	Hợp tiểu ban GD Mầm non		25/4/19	Hội đồng quốc gia GD&PT nhân lực
136	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Khóa học Đào tạo Xây dựng năng lực cho các nhà quản lý giáo dục		23/5-5/6/19	Hàn Quốc
137	Vũ Đình Bắc	1988	KHCN	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
138	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
139	Đỗ Thị Ngọc Phương	1988	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
140	Phùng Thị Thanh Tú	1978	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
141	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	TT	Bồi dưỡng tiếng Anh		06/5-14/9/19	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội
142	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	Bồi dưỡng tiếng Anh		06/5-10/8/19	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội
143	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		20-21/5/19	ĐHCN queensland (Australa)-VN
144	Lương Đức Thắng	1975	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN
145	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN
146	Phạm Văn Thoại	1975	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
147	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
148	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
149	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
150	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
151	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
152	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
153	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
154	Cao Thị Hà	1971	Toán	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
155	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Ngữ văn	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
156	Hà Thị Thu Thủy	1975	Lịch sử	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
157	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
158	Dương Đình Thái	1962	Bảo vệ	TT	Bồi dưỡng kiến thức QP&AN Đối tượng 3		23/6-9/7/19	Trường QS tỉnh Thái Nguyên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
159	Trần Minh Thắng	1985	Đào tạo	TT	TH sử dụng phần mềm tuyển sinh năm 2019		13-14/6/19	Bộ GD&ĐT
160	Hoàng Thị Kim Oanh	1987	KHCN	TT	BD Giao tiếp đối ngoại và lễ tân		10/7/19	TT Thông tin dịch vụ đối ngoại
161	Trần Thị Thúy	1989	HCTC	TT	BD Giao tiếp đối ngoại và lễ tân		10/7/19	TT Thông tin dịch vụ đối ngoại
162	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 3		9-25/7/19	Trường Quân sự QKI
163	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 3		13-29/8/19	Trường Quân sự QKI
164	Trần Đình Hùng	1984	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
165	Dương Quang Hải	1981	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
166	Nguyễn Thị Tính	1964	BGH	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
167	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
168	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
169	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
170	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
171	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH truyền thông chương trình ETEP		09-11/8/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
172	Vũ Minh Tuyên	1960	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
173	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
174	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
175	Vũ Thúy Hằng	1986	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
176	Đoàn Thị Hồng Nhung	1992	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
177	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
178	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
179	Nguyễn Thị Mão	1974	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
180	Nguyễn Thị Hạnh	1988	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
181	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
182	Trần Thị Lan	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
183	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
184	Phạm Thị Huyền	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
185	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
186	Thái Hữu Linh	1988	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
187	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
188	Nguyễn Tuấn Anh	1980	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
189	Lý Trung Thành	1976	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
190	Trần Thanh An	1990	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
191	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		23-25/8/19	Bộ GD&ĐT
192	Nguyễn Thị Hường	1975	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		23-25/8/19	Bộ GD&ĐT
193	Cáp Thanh Tùng	1963	TTTT-TV	TT	Hoạt động nâng cấp cơ sở vật chất		12/8/19	Bộ GD&ĐT-Ban QLCT ETEP
194	Nguyễn Mạnh Hùng	1973	QTPV	TT	Hoạt động nâng cấp cơ sở vật chất		12/8/19	Bộ GD&ĐT-Ban QLCT ETEP
195	Trần Đình Hùng	1984	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
196	Dương Quang Hải	1981	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
197	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH truyền thông Chương trình ETEP		9-11/8/18	Bộ GD&ĐT
198	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	BD nâng cao tiếng Anh- nước Anh		05/10/19-19/01/20	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội
199	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH CBQL hướng dẫn sử dụng bộ công cụ cho HS khiếm thính		25-28/9/19	Bộ GD&ĐT- Hà Nội
200	Đàm Thị Kim Thu	1989	TLGD	TT	TH CBQL hướng dẫn sử dụng bộ công cụ cho HS khiếm thính		25-28/9/19	Bộ GD&ĐT- Hà Nội
201	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	Bồi dưỡng kiến thức QP&AN Đối tượng 3		03-19/9/19	Trường QS tỉnh Thái Nguyên
202	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	Học ngắn hạn viết đề xuất cho dự án DAAD DIES ProGRANT		06-12/10/19	ĐH Cologne- Hà nội
203	Nguyễn Thị Tính	1964	BGH	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
204	Đỗ Hồng Thái	1962	HĐT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
205	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
206	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
207	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
208	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
209	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
210	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
211	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
212	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
213	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Toán	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
214	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
215	Hoàng Văn Ngọc	1976	Sinh học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
216	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
217	Đào Thị Hồng Hạnh	1988	Ngữ văn	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
218	Hà Thị Thu Thủy	1975	Lịch sử	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
219	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
220	Đặng Thị Phương Thảo	1984	TLGD	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
221	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
222	Dương Quỳnh Phương	1974	Địa lý	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
223	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
224	Nguyễn Hoàng Linh	1989	THPTTN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
225	Nguyễn Thị Hòa	1990	Lịch sử	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
226	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
227	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
228	Đinh Đức Hợi	1977	Mầm non	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
229	Trần Thị Kim Hoa	1978	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
230	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
231	Đồng Thị Thanh	1987	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
232	Hoàng Thị Kim Oanh	1987	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
233	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	TH công tác HC, THTT và truyền thông		03-04/10/19	Bộ GD&ĐT- Đà Nẵng
234	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	TT	Học ngắn hạn viết đề xuất cho dự án DAAD DIES ProGRANT		06-12/10/19	ĐH Cologne- Hà nội
235	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
236	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
237	Phạm Thị Huyền	1979	HCTC	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
238	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
239	Trần Thị Lan	1878	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
240	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
241	Nguyễn Thị Anh Hằng	1991	Toán	TT	Khóa học ngắn hạn		11-22/11/19	Viện Toán học
242	Hoàng Ngọc Yến	1991	Toán	TT	Khóa học ngắn hạn		11-22/11/19	Viện Toán học
243	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
244	Trần Minh Khương	1976	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
245	Nguyễn Thành Trung	1980	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
246	Nguyễn Đức Tuấn	1980	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
247	Nguyễn Đức Trường	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
248	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
249	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
250	Nguyễn Huy Ánh	1987	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
251	Trần Thị Tú	1982	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
252	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
253	Lê Văn Hùng	1990	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
254	Nguyễn Thị Thanh Vân	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
255	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
256	Nguyễn Thị Hà	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
257	Trần Nguyên An	1981	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
258	Trần Thị Ngọc Anh	1981	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
259	Vũ Văn Anh	1982	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
260	Dương Thị Tú Anh	1970	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
261	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
262	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
263	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
264	Mai Văn Cẩn	1968	Ngoại ngữ	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
265	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
266	Đỗ Ngọc Cương	1980	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
267	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
268	Dương Công Đạt	1979	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
269	Nguyễn Mậu Đức	1983	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
270	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
271	Ngô Mạnh Dũng	1984	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
272	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
273	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
274	Cao Thị Hà	1971	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
275	Trần Ngọc Hà	1984	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
276	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
277	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
278	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nghệ thuật	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
279	Dương Thu Hằng	1978	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
280	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
281	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
282	Cao Thị Hào	1976	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
283	Phạm Đức Hậu	1976	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
284	Vũ Thị Hậu	1976	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
285	Phí Thị Hiếu	1978	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
286	Lê Thị Phương Hoa	1976	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
287	Nguyễn Văn Hoàng	1976	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
288	Đinh Đức Hợi	1977	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
289	Nguyễn Mạnh Hùng	1973	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
290	Trần Thị Minh Huệ	1977	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
291	Bùi Thế Hùng	1980	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
292	Lê Thị Thu Hương	1984	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
293	Đỗ Trà Hương	1969	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
294	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
295	Nguyễn Thị Hường	1975	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
296	Phạm Thị Huyền	1979	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
297	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
298	Phạm Văn Khang	1982	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
299	Đồng Duy Khánh	1984	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
300	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
301	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
302	Phạm Hữu Kiên	1980	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
303	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
304	Nguyễn Thị Hiền Lan	1972	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
305	Nguyễn Thị Hoàng Lan	1975	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
306	Nguyễn Phương Liên	1975	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
307	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
308	Nguyễn Quang Linh	1982	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
309	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
310	Lê Thùy Linh	1981	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
311	Nguyễn Thị Tố Loan	1981	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
312	Trần Huệ Minh	1977	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
313	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
314	Ngô Giang Nam	1978	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
315	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
316	Bùi Huy Nam	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
317	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
318	Hoàng Văn Ngọc	1976	Sinh học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
319	Nguyễn Thị Ngọc	1982	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
320	Bùi Đức Nguyên	1977	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
321	Phạm Thị Minh Nguyệt	1978	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
322	Nguyễn Thị Hạnh Phương	1976	Ngũ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
323	Dương Quỳnh Phương	1974	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
324	Nguyễn Duy Phương	1981	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
325	Nguyễn Hữu Quân	1985	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
326	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Ngũ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
327	Nguyễn Văn Quyết	1979	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
328	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
329	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
330	Đỗ Vũ Sơn	1964	KTX	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
331	Từ Quang Tân	1979	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
332	Lương Đức Thắng	1975	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
333	Sỹ Danh Thường	1981	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
334	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
335	Phạm Thị Thủy	1972	THPTTN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
336	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
337	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
338	Hà Thị Thu Thủy	1976	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
339	Nguyễn Thị Minh Thủy	1981	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
340	Vũ Thị Thu Thủy	1976	Sinh học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
341	Võ Xuân Thủy	1985	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
342	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
343	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
344	Đoàn Dũng Trí	1973	KHTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
345	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
346	Nguyễn Thành Trung	1980	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
347	Trần Thị Tú	1982	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
348	Cáp Thanh Tùng	1963	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
349	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
350	Trần Đức Văn	1982	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
351	Dương Thị Thúy Vinh	1982	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
352	Bùi Thế Hùng	1980	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/12/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
369	Nguyễn Thị Minh Hiền	1983	Khảo thí	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
370	Nguyễn.T Minh Nguyệt	1975	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
371	Phạm Tất Thành	1984	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
372	Nguyễn Thị Huyền	1990	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
373	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
374	Lê Văn Hùng	1990	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
375	Trần Minh Khương	1976	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
376	Đào T Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
377	Nguyễn Huy Ánh	1985	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
378	Nguyễn Văn Thiều	1980	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
379	Nguyễn Thanh Tiến	1985	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
380	Đỗ Thị Linh Chi	1981	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
381	Hồ Thủy Ngân	1985	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
382	Phan Đình Quang	1969	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
383	Dương Thị Phương Chi	1983	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
384	Đặng Thị Hương	1984	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
385	Nguyễn Quang Hải	1978	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
386	Võ Quang Hoàn	1983	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
387	Lâm Tú Anh	1967	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
388	Ngân Bá Cúm	1961	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
389	Hoàng Bích Vân	1977	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
390	Vũ Thị Hậu	1976	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
391	Vũ Văn Nhượng	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
392	Phạm Văn Khang	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
393	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1980	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
394	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
395	Nguyễn Thị Minh	1968	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
396	Doãn Thị Bích Liên	1972	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
397	Đồng Duy Khánh	1984	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
398	Bùi Thị Dung	1977	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
399	Lê Thị Thu Hương A	1969	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
400	Nghiêm Thị Hải Yến	1974	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
401	Nguyễn Đức Thắng	1984	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
402	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
403	Mã Thị Hương Lan	1976	Thanh tra	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
404	Nguyễn Thị Mão	1974	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
405	Trần Thị Lan	1979	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
406	Hứa Ngọc Thư	1979	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
407	Nguyễn Thị Hạnh	1988	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
408	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
409	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
410	Lê Như Hoa	1988	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
411	Lê Hồng Sơn	1981	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
412	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
413	Trịnh Diễm Thúy	1978	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
414	Lương Thị Thanh Hương	1973	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
415	Nguyễn Thị Mai Lan	1984	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
416	Hứa Thị Hồng Chuyên	1979	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
417	Trần Thị Hường	1974	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
418	Nguyễn Thị. Minh Nguyệt	1973	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
419	Vi Phương Thùy	1983	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
420	Mông Thị Nguyệt	1986	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
421	Hà Mạnh Khương	1987	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
422	Nguyễn Sỹ Hùng	1968	Bảo vệ	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
423	Đặng Văn Thắng	1971	Bảo vệ	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
424	Vũ Thị Thu Thủy	1975	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
425	Nguyễn T Phương Thảo	1986	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
426	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
427	Cao Thị Phương Thảo	1969	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
428	Tạ Thị Ngọc Hà	1979	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
429	Hà Thị Khánh Ly	1983	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
430	Hoàng Thị Hoài Thu	1981	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
431	Nguyễn Thị Phương	1974	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
432	Ngô Thị Huân	1974	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
433	Dương Thị Minh Huệ	1979	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
434	Vũ Đình Bắc	1987	KH-CN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
435	Nguyễn Thùy Dương	1985	KH-CN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
436	Dương Thị Thúy Vinh	1982	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
437	Ngô Mạnh Dũng	1984	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
438	Vũ Thị Thủy	1986	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
439	Lê Thị Thanh Huệ	1985	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
440	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
441	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
442	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
443	Lê Thị Anh	1975	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
444	Ngô Thị Thu Trang	1980	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
445	Lê Thị Hương Giang	1976	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
446	Nguyễn Thị Bích	1979	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
447	Nguyễn Kiến Thọ	1968	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
448	Nguyễn Thị Minh Thu	1981	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
449	Trịnh Thị Thanh Vân	1984	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/12/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
450	Nguyễn Thị Thu Hằng	1978	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/12/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
451	Đào Thị Hồng Nhung	1989	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/12/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
452	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	TLGD	TT	BD Đào tạo nhà tâm lý tư vấn		03/01-07/01/2020	Hội Tâm lý học VN+ Hàn Quốc
453	Nguyễn Thanh Bình	1986	KHCN-HTQT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
454	Mai Văn Nam	1986	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
455	Trần Đỗ Minh Châu	1981	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
456	Trần Đình Hùng	1984	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
457	Nguyễn Quang Linh	1982	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
458	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
459	Trần Quốc Toàn	1984	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
460	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
461	Phạm Thị Thanh Nhân	1982	Sinh học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
462	Phạm Thị Hồng Tú	1973	Sinh học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
463	Lương Thị Thúy Vân	1978	Sinh học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
464	Cao Thị Thu Hoài	1985	Mầm non	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
465	Vũ Thị Thủy	1986	Mầm non	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
466	Lê Thị Thương Thương	1984	Mầm non	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
467	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
468	Nguyễn Thị Mai Lan	1984	TTTT-TV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	6/2021-12/2022	Trường Chính trị tỉnh TN
469	Đỗ Văn Hảo	1968	Địa lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
470	Lê Thị Nguyệt	1983	Địa lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
471	Phạm Tất Thành	1984	Địa lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
472	Nghiêm Văn Long	1991	Địa lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
473	Lê Huy Hoàng	1985	Hóa học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
474	Trần Quốc Toàn	1984	Hóa học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
475	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
476	Nguyễn Thị Vân Anh	1987	TTTTV	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
477	Nguyễn Đức Lưu	1986	TTTTV	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
478	Phạm Mai An	1975	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
479	Nguyễn Quang Linh	1982	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
480	Giáp Thị Thùy Trang	1987	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
481	Đỗ Thị Huế	1987	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
482	Nguyễn Quang Hải	1978	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
483	Trần Thị Lan	1979	GDCT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
484	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
485	Thái Hữu Linh	1988	GDCT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
486	Nguyễn Duy Nam	1988	TDTT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
487	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
488	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	TDTT	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
489	Lê Quang Ninh	1982	QTPV	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
490	Trần Đình Hùng	1983	Toán	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
491	Trần Đỗ Minh Châu	1981	Toán	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
492	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Toán	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
493	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	Toán	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
494	Nguyễn Thanh Bình	1986	KHCN	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
495	Cao Thị Thu Hoài	1985	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
496	Vũ Thị Thủy	1986	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
497	Mai Thanh Nga	1978	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
498	Lê Thị Thương Thương	1984	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
499	Nguyễn Đức Hùng	1986	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
500	Từ Quang Trung	1988	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
501	Phạm Thị Thanh Nhân	1982	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
502	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
503	Nguyễn Thị Hằng	1976	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
504	Hoàng Phú Hiệp	1984	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
505	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
506	Phạm Thị Hồng Tú	1973	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
507	Nguyễn Thị Hòa	1990	Lịch sử	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
508	Nguyễn Đức Thắng	1984	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
509	Hoàng Xuân Trường	1987	Lịch sử	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
510	Nguyễn Khánh Như	1986	Lịch sử	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
511	Lê Thị Hải Yến	1989	KHTC	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
512	Trần Thị Thu Hà	1984	KHTC	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
513	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Ngoại ngữ	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
514	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Ngoại ngữ	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
515	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	Ngoại ngữ	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
516	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
517	Nguyễn Hải Hưng	1987	HCTC	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
518	Nguyễn Văn Thiệu	1980	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
519	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
520	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
521	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
522	Trần Thị Ngọc	1989	Ngữ văn	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
523	Phạm Thị Thùy	1981	Khảo thí	KTT	Bồi dưỡng lãnh đạo , quản lý cấp phòng	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
524	Đỗ Thị Thanh Hà	1984	Địa lý	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
525	Nguyễn Thị Phương Thảo	1986	Sinh học	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
526	Tạ Thị Thảo	1984	Toán	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
527	Nguyễn Thị Thanh	1985	TLGD	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
528	Ngân Hoàng Mỹ Linh	1991	Hóa học	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
529	Dương Thị Phương Chi	1983	Vật lý	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
530	Hoàng Hải Lý	1990	Ngoại ngữ	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
531	Lê Thị Anh	1975	Tiểu học	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
532	Vũ Thị Thanh Thùy	1986	GDCT	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
533	Lê Thị Thanh Thảo	1987	TDDT	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
534	Nguyễn Mạnh Tuấn	1980	Lịch sử	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
535	Nguyễn Thị Mai Hương	1987	Mầm non	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
536	Nguyễn Mạnh Cường	1986	THPT Thái Nguyên	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
537	Nông Thị Thêm	1975	THPT Thái Nguyên	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
538	Hứa Thị Hồng Chuyên	1979	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
539	Nguyễn Thị Vân Anh	1987	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
540	Nguyễn Đức Lưu	1986	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
541	Phùng Thị Hồng Dung	1985	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
542	Phạm Mạnh Cường	1985	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
543	Nguyễn Thị Mai Lan	1984	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
544	Phạm Thị Thu Hiền	1991	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
545	Vi Kiều Liên	1981	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
546	Vương Hồng Hải	1990	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
547	Vũ Thái Sơn	1988	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
548	Lê Thị Chi	1990	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
549	Ngọc Linh Chi	1977	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
550	Đào Thu Thủy	1984	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
551	Vũ Thị Thanh Tâm	1973	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
552	Trần Mạnh Hùng	1988	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
553	Đinh Quý Hùng	1980	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
554	Phạm Minh Đức	1989	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
555	Nguyễn Thùy Linh	1994	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
556	Hứa Việt Bắc	1980	Ký túc xá	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
557	Mã Thị Hương Lan	1976	Thanh tra	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
558	Phạm Thị Hương Giang	1991	Thanh tra	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
559	Nguyễn Thị Thu Hằng	1990	KHCN	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
560	Hoàng Thị Kim Oanh	1987	KHCN	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
561	Đồng Thị Thanh	1987	KHCN	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
562	Trần Tú Hoài	1989	HCTC	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
563	Kiều Thanh Nga	1984	HCTC	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
564	Lê Thị Nga	1979	HCTC	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
565	Hứa Ngọc Thư	1979	HCTC	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
566	Nguyễn Thanh Nga	1986	HSSV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
567	Nông Thị Thu Hoài	1985	HSSV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
568	Vũ Thị Hậu	1983	HSSV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
569	Nguyễn Văn Quang	1985	HSSV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
570	Nguyễn Văn Thắng	1971	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
571	Vũ Anh Tuấn	1978	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
572	Vũ Ngọc Cung	1985	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
573	Hoàng Thị Hoài Thu	1981	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
574	Hà Thị Khánh Ly	1983	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
575	Bùi Hà Thái	1974	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
576	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
577	Đỗ Thông Thái	1990	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
578	Nguyễn Văn Quyền	1990	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
579	Dương Thị Minh Huệ	1979	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
580	Hoàng Thị Minh Bạch	1972	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
581	Phạm Văn Thoại	1975	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
582	Đào Thị Hồng Liên	1982	QTPV	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
583	Nông Thị Thản	1981	Đào tạo	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
584	Phan Hữu Dũng	1983	Đào tạo	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
585	Trần Minh Thắng	1985	Đào tạo	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
586	Trần Thị Thúy	1989	HCTC	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
587	Ngôn Thị Tuyết Mai	1989	Ngữ văn	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
588	Nguyễn Thị Minh Hiền	1983	Khảo thí	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
589	Nguyễn Hữu Thắng	1980	Khảo thí	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
590	Nguyễn Thị Thúy Phương	1989	Khảo thí	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
591	Nguyễn Đăng Khoa	1973	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
592	Lê Quang Đạt	1989	Thư viện	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục
593	Doãn Thị Bích Liên	1972	Đào tạo	KTT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Chứng chỉ	06/2021	Học viện quản lý giáo dục

Người lập biểu
Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức



Đỗ Thùy Chi

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. Mai Xuân Trường